

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TB
TỈNH PT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-ST
Ngày 22 tháng 11 năm 2023
"V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB - TỈNH PT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Luyến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vương Thị Thu;
2. Ông Kiều Công Ích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/11/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TB, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2022/TLST-DS ngày 27/7/2022 (Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số: 02/2023/QĐST-DS ngày 28/3/2023) về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST-DS ngày 05/9/2023 và và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2023/QĐST-DS ngày 15/9/2023; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 29/9/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa ngày 26/10/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng V. Trụ sở: Tầng 1-2, tòa nhà S - 111A P, phường BN, quận 1, TP H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc Vũ - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Trần Thành Công - Giám đốc Thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ - Trung tâm Quản lý nợ Ngân hàng Bán lẻ 2 - Khối Ngân hàng Bán lẻ V (theo Giấy ủy quyền số: 107083.22 ngày 03/10/2022 của Tổng giám đốc V).

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà H, số 25 LTK, quận HK, TP. H.

2. Ông Nguyễn Ngọc Đ - cán bộ Ngân hàng V.

3. Ông Nguyễn Chí T - cán bộ Ngân hàng V.

4. Ông Nguyễn Hà D - cán bộ Ngân hàng V.

Đều có địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà C, số 4 TTT, phường TT, quận ĐĐ, thành phố H.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu 10, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh PT.

(Ông Thành có mặt; anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày và đơn sửa đổi, bổ sung khởi kiện ngày 01/6/2022 của nguyên đơn là Ngân hàng V và các văn bản trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Chí T trình bày:

Bên cho vay là Ngân hàng V - PGD TH ký với Bên vay là anh Nguyễn Văn T Hợp đồng tín dụng số 6108261.21 ngày 09/03/2021 với nội dung: V giải ngân cho anh T vay số tiền: 900.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm triệu đồng); Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe; Thời hạn vay: 96 tháng từ ngày 10/03/2021 đến ngày 09/03/2029; Lãi suất tại thời điểm giải ngân 8.9%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của V tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3.9%/năm; Hoàn trả khoản vay gốc: Vào ngày 15 hàng tháng; kỳ trả đầu tiên 15/04/2021, mỗi kỳ trả 9.380.000 VNĐ/tháng, số còn lại trả vào cuối kỳ; Hoàn trả lãi: Vào ngày 15 hàng tháng Trả phí: theo quy định của V từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150 % lãi trong hạn. V đã giải ngân cho anh Nguyễn Văn T theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 6108261(1).21 ngày 09/03/2023 với số tiền 900.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng. Ngày 10/03/2021, anh Nguyễn Văn T đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế hạn mức 60.000.000 đồng, mục đích sử dụng: tiêu dùng. Căn cứ vào yêu cầu của anh Nguyễn Văn T, ngày 10/03/2021 Ngân hàng V đã chấp thuận và phát hành thẻ tín dụng V với hạn mức 60.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm là xe ô tô Hyundai - Santafe, BKS-19A 35843. Quá trình thực hiện hợp đồng anh Nguyễn Văn T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh nên V đã khởi kiện yêu cầu anh T phải trả cho V số tiền (Tạm tính đến ngày 20/05/2023) là 953.114.329 đồng, trong đó dư nợ khoản vay mua ô tô là 869.723.745 đồng, gồm nợ gốc là 824.960.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 41.850.601 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.913.144 đồng; Dư nợ khoản vay thẻ là 83.390.584 đồng. Quá trình khởi kiện, anh T đã trả nợ cho V là 800.200.000 đồng (Tiền bán tài sản bảo đảm là xe ô tô Hyundai- Santafe, BKS-19A 35843).

Ngày 22/8/2023 V đã làm đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền nêu trên.

Ngày 21/11/2023 V làm đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến khoản vay tín dụng, cụ thể: Rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay thẻ tín dụng với số tiền là 83.390.584 đồng.

Nay V yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết khoản vay theo hợp đồng tín dụng, cụ thể: Buộc anh Nguyễn Văn T phải trả cho V số tiền tạm tính đến ngày 22/11/2023 là 278.166.646 đồng, trong đó nợ gốc là 24.760.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 46.852.286 đồng, nợ lãi quá hạn là 206.554.360 đồng. Đề nghị tiếp tục tính lãi cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ nói trên.

Phía bị đơn là anh Nguyễn Văn T trong quá trình giải quyết vụ án đã

được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh T.

Tài liệu do Tòa án thu thập được: “Hợp đồng tín dụng” số 6108261.21 ngày 09/03/2021 và “Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản” ngày 10/3/2021 được ký kết giữa anh Nguyễn Văn T và V. “Kết luận giám định” số 726/KLGD-KTHS ngày 31/5/2023 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh PT kết luận chữ ký đứng tên Nguyễn Văn T và các chữ “Nguyễn Văn T” tại Hợp đồng tín dụng so với các chữ ký đứng tên Nguyễn Văn T và các chữ “Nguyễn Văn T” tại các văn bản do anh T ký trong hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 234/TLST-HNGĐ ngày 13/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện TB mà anh T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cùng một người ký và viết ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh PT, tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định, còn bị đơn là anh T không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V (V).

Buộc anh Nguyễn Văn T phải trả cho Ngân hàng V (V) tính đến ngày 22/11/2023 là 278.166.646 đồng, trong đó nợ gốc là 24.760.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 46.852.286 đồng, nợ lãi quá hạn là 206.554.360 đồng.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng (V) số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về chi phí giám định: Buộc anh Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là: 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); Số tiền này anh T phải có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng V (V).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là: HĐXX) nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại khu 10, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh PT. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT.

Xét về sự vắng mặt của bị đơn là anh Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo bà Trần Thị Thư là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T trình bày: anh Nguyễn Văn T đã biết Tòa án đang giải quyết vụ án; quá trình giải quyết vụ án bà và ông Nguyễn Văn Lác (bố đẻ anh T) đã nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho anh T biết nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia

tổ tụng nên Tòa án đã nhiều lần ra quyết định hoãn phiên tòa và giao cho ông Lác, bà Thư nhận thay anh T nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt không có lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, xác định nội dung như sau: Ngày 09/3/2021, giữa V với anh Nguyễn Văn T có ký kết với nhau 01 Hợp đồng tín dụng; Theo đó, anh T vay của V số tiền gốc là: 900.000.000 đồng; Thời hạn vay đến từ ngày 10/3/2021 đến ngày 09/3/2029; Ngoài ra, ngày 10/3/2021 anh T được V cấp cho 01 thẻ tín dụng, với số tiền gốc là 60.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng anh T vay của V số tiền gốc là: 960.000.000 đồng; Và để đảm bảo cho khoản vay, thì ngày 09/3/2021, anh T có thế chấp tài sản là chiếc ô tô nhãn hiệu HYUNDAI SANTAFE biển kiểm soát 19k1-358.43 đứng tên anh Nguyễn Văn T tại V. Xét, các Hợp đồng mà các bên ký kết dựa trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc gì; nội dung hợp đồng phù hợp, không trái đạo đức, xã hội. Như vậy, hợp đồng các bên ký kết là hoàn toàn đúng pháp luật.

Tuy thời hạn cho vay đến ngày 09/3/2029, nhưng do trong quá trình thực hiện hợp đồng anh T vi phạm nội dung mà các bên đã cam kết trong hợp đồng về nghĩa vụ trả nợ nên đã bị V chuyển nợ quá hạn từ ngày 15/4/2021. Mặc dù, phía V đã thông báo cho anh T thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng anh T vẫn không thực hiện; Cho nên, phía V khởi kiện và đề nghị anh T phải có trách nhiệm trả các khoản nợ, tạm (Tạm tính đến ngày 20/05/2023) là 953.114.329 đồng, trong đó dư nợ khoản vay mua ô tô là 869.723.745 đồng, gồm nợ gốc là 824.960.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 41.850.601 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.913.144 đồng; Dư nợ khoản vay thẻ là 83.390.584 đồng. Quá trình khởi kiện, anh T đã trả nợ cho V là 800.200.000 đồng (Tiền bán tài sản bảo đảm là xe ô tô Hyundai- Santafe, BKS-19A 35843).

Ngày 22/8/2023 V đã làm đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền nêu trên.

Theo nguyên đơn trình bày: Ngoài ra, ngày 10/3/2021 anh T được V cấp cho 01 thẻ tín dụng, với số tiền gốc là 60.000.000 đồng, tuy nhiên ngày 21/11/2023 V làm đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến khoản vay này tín dụng, cụ thể: Rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay thẻ tín dụng với số tiền là 83.390.584 đồng.

Nay V yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết khoản vay theo hợp đồng tín dụng, cụ thể: Buộc anh Nguyễn Văn T phải trả cho V số tiền tạm tính đến ngày 22/11/2023 là 278.166.646 đồng, trong đó nợ gốc là 24.760.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 46.852.286 đồng, nợ lãi quá hạn là 206.554.360 đồng. Đề nghị tiếp tục tính lãi cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ cho V.

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T không có ý kiến trình bày hay phản đối gì đối với các khoản nợ gốc và lãi như V đề nghị như nêu trên.

Hội đồng xét xử, xét thấy, theo quy định của Bộ luật dân sự thì sau khi các bên ký kết hợp đồng tín dụng ngày 09/3/2021, các bên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của mình đối với giao dịch dân sự; Phía V đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình là đã cho anh T vay tiền; Nhưng phía anh T không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như đã cam kết, cụ thể là vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi như cam kết trong hợp đồng; Mặc dù V đã thông báo về nghĩa vụ trả nợ, nhưng anh T vẫn không thực hiện. Cho nên, ngày 01/6/2022 V đã chuyển nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu anh T phải có trách nhiệm thanh lý hợp đồng trước thời hạn. Xét thấy, việc V yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải trả số tiền nợ gốc, tiền lãi suất trong hạn, được tính theo mức lãi suất từ 8,9%/năm đến 15,8%/năm và lãi suất quá hạn, được tính theo mức lãi suất từ 13,35%/năm đến 19,05%/năm là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng giữa hai bên và phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định về lãi suất, nên HĐXX chấp nhận;

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 23/11/2023 theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu ở trên cho đến khi anh T thanh toán xong khoản nợ.

Đối với tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô, phía nguyên đơn đã cung cấp tài liệu chứng cứ thể hiện hai bên đã thỏa thuận về việc bán tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI SANTAFE biển kiểm soát 19k1-358.43, để xử lý nợ, cụ thể số tiền thu được từ việc bán tài sản bảo đảm, sau khi trừ các chi phí phát sinh, thu được là 800.200.000 đồng, anh T không có văn bản phản đối gì về việc này, việc thỏa thuận này do hai bên tự nguyện, không trái quy định pháp luật, phù hợp quy định tại khoản 5 Điều 321 của Bộ luật dân sự vì vậy cần được xác nhận là hợp pháp.

Đối với đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến khoản vay tín dụng, cụ thể: Ngày 21/11/2023, V Rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay thế tín dụng với số tiền là 83.390.584 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay thế tín dụng với số tiền là 83.390.584 đồng là phù hợp với khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của V được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Buộc anh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo định. Cần hoàn trả lại cho V số tiền tạm ứng án phí đã nộp, là phù hợp pháp luật.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định là: 4.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của V có căn cứ và phía nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nên anh T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là: 4.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí giám định số tiền là: 4.000.000 đồng nên anh T phải có trách nhiệm trả lại cho V số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp là: 4.000.000 đồng, là phù hợp pháp luật.

[4]. Xét quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn

toàn phù hợp pháp luật.

$V \times c, c \text{ lãi tr}^a n,$

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào các Điều: 321, 322, 323, 463, 464, 465, 466, 467, 468, Bộ luật dân sự; Các Điều 90, 91, 93, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 1 Điều 147, khoản 4 Điều 161, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng (V).

Buộc anh Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng (V), số tiền tính đến ngày 22/11/2023, là 278.166.646 đồng (*Hai trăm bảy mươi tám triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm bốn sáu đồng*), trong đó nợ gốc là 24.760.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*), nợ lãi trong hạn là 46.852.286 đồng (*Bốn mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn, hai trăm tám mươi sáu đồng*), nợ lãi quá hạn là 206.554.360 đồng (*Hai trăm linh sáu triệu, năm trăm năm mươi bốn nghìn, hai trăm sáu mươi đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận cho đến khi thi hành xong. Trong trường hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay thẻ tín dụng số tiền là 83.390.584 đồng.

[3]. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Anh Nguyễn Văn T phải chịu 13.908.000 đồng (*Mười ba triệu, chín trăm linh tám nghìn đồng*), tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng (V) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 20.290.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0003481 ngày 27/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh PT.

- Về chi phí giám định: Buộc anh Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là: 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*); Số tiền này anh T phải có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng V (V).

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao (hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật).

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh PT;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bình Luyện